

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2019/DS-ST**

Ngày 29/7/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Y

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không có

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54A/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Đỗ Thị Lệ T**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: số 23 L V C, khu phố Q T 1, phường Khánh Hậu, Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* **Đinh Hoàng L**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện Châu Thành, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Lệ T trình bày:

Bà và ông Đinh Hoàng L là bạn bè học chung nên bà có cho ông L vay tiền làm nhiều lần, lần đầu là ngày 08/8/2016 (dương lịch) số tiền là 40.000.000đồng, hôm sau thì ông L có đến hỏi vay thêm số tiền 40.000.000đồng, ông L có nói sẽ trả cho bà 6%/tháng. Sau đó ông L có nhiều lần vay tiền nữa, cụ thể như sau:

Ngày 13/7/2016 (âm lịch) số tiền 30.000.000đồng
Ngày 16/7/2016 (âm lịch) số tiền 40.000.000đồng
Ngày 08/8/2016 (âm lịch) số tiền 100.000.000đồng
Ngày 22/8/2016 (âm lịch) số tiền 50.000.000đồng
Ngày 26/8/2016 (âm lịch) số tiền 40.000.000đồng
Tổng cộng là 340.000.000đồng.

Khi cho vay tiền không có làm biên nhận, sau đó do thấy ông L vi phạm việc trả lãi và vốn nên đến ngày 02/4/2017 (âm lịch) bà mới yêu cầu ông L làm giấy tờ cho những lần vay tiền và ông L đã làm giấy mượn tiền cho bà. Khi bà cho vay, ông L có hứa trong thời hạn 01 tháng sẽ trả lại vốn nhưng ông L không thực hiện mà chỉ trả lãi, sau đó bà yêu cầu trả vốn thì ông L có nói khi nào cần lấy lại tiền thì báo trước cho ông 02 tuần. Sau khi làm biên nhận, ông L có trả thêm cho bà một số tiền lãi và 40.000.000đồng tiền vốn, sau đó đến tháng 9/2017 al thì ngưng không trả số tiền nào nữa, bà liên lạc bằng điện thoại thì không được, đến nhà tìm thì cũng không gặp và còn bị con ông L đuổi xua không cho đến nhà nên bà mới khởi kiện.

Tổng cộng bà đã nhận vốn và lãi là 155.000.000đồng (trả không có giấy tờ), trong đó tiền vốn là 40.000.000đồng, còn lại là tiền lãi. Bà không có nhận tiền lãi 270.000.000đồng như ông L khai.

Nay, bà yêu cầu ông L trả cho bà số tiền vốn còn lại là 300.000.000đồng và tính lãi của số tiền trên theo quy định pháp luật đến khi xét xử, nếu số tiền lãi bà đã nhận nhiều hơn thì bà đồng ý trừ vào tiền vốn. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đinh Hoàng L được tổng đạt hợp lệ về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa án. Ông Đinh Hoàng L có gửi bản tự khai, thừa nhận có vay 340.000.000đồng của bà T, đã trả được 40.000.000đ tiền vốn và 270.000.000đ tiền lãi nhưng việc trả vốn, lãi không có giấy tờ gì. Ông chỉ đồng ý trả cho bà T 300.000.000đ vốn, không đồng ý trả lãi, xin trả 2.000.000đ/tháng và yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi đã trả.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Lệ T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Ông Đinh Hoàng L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Đinh Hoàng L được triệu tập tham dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Hoàng L.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Bà Đỗ Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu ông Đinh Hoàng L trả số tiền vốn vay còn lại là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến khi xét xử theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Đỗ Thị Lệ T có cung cấp giấy mượn tiền ngày 02/4/2017 (âm lịch).

Xét chứng cứ do bà T cung cấp thì thấy rằng giấy mượn tiền ngày 02/4/2017 được ông L thừa nhận trong bản tự khai là do ông L viết và ký họ tên, tổng cộng số tiền vay là 340.000.000 đồng. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa hai bên có giao dịch vay tiền với nhau.

Theo ông L trình bày trong bản tự khai thì ông vay tiền của bà T nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2016 mà không có giấy tờ, sau đó đã làm biên nhận ngày 02/4/2017 với tổng số tiền vay là 340.000.000 đồng. Bà T không thừa nhận cho ông L vay từ năm 2014 mà chỉ bắt đầu từ ngày 08/8/2016 (dương lịch), sau đó ông L tiếp tục vay 06 lần nữa và cũng trong năm 2016 như giấy mượn tiền ông đã ghi cho bà. Việc trình bày của ông L không được bà T thừa nhận, ông L không có chứng cứ hay giấy tờ chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi đó ông thừa nhận giấy mượn tiền ngày 02/4/2017 (âm lịch) là do ông viết và ghi họ tên. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông L vay tiền của bà T từ ngày 08/08/2016 (dương lịch) đến ngày 22/8/2016 (âm lịch) như nội dung ông đã ghi trong giấy mượn tiền.

Trong bản tự khai, ông L trình bày đã trả được 40.000.000 đồng vốn sau khi làm biên nhận, bà T thừa nhận có nhận số tiền 40.000.000 đồng tiền vốn từ ông L. Như vậy, số tiền vốn còn lại là 300.000.000 đồng, bà T yêu cầu ông L hoàn trả là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi, xét thấy giấy mượn tiền ngày 02/4/2017 không có ghi về lãi suất. Theo bà T thì khi vay tiền ông L nói sẽ trả cho bà 6%/tháng, sau đó ông L có trả nhưng trả không đúng như mức lãi suất đã hứa nên bà mới yêu cầu ông L làm biên nhận. Sau khi làm biên nhận thì ông L có trả thêm một số tiền lãi nhưng cũng không đúng như mức lãi suất ông hứa trả cho bà và có nói khi cần lấy lại vốn thì nói cho ông trong 02 tuần, tổng cộng bà đã nhận tiền lãi là 115.000.000 đồng, vốn chỉ trả 40.000.000 đồng vào tháng 4/2017 al. Trong bản tự khai ông L trình bày có trả lãi cho bà T số tiền 270.000.000 đồng mà không có giấy tờ gì, ông không nêu mức lãi suất trả cho bà T và có yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả. Như vậy, việc thỏa thuận trả lãi vay là có nhưng hai bên không xác định rõ lãi suất nên mức lãi suất và cách tính sẽ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 2, Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (sau đây viết tắt là NQ 01/2019). Tại phiên tòa, bà T trình bày là cho vay thời hạn 01 tháng nhưng do bạn bè nên ông L chỉ trả lãi và kéo dài đến nay, nay bà yêu cầu tính tiền lãi chung tất cả số lần vay từ ngày vay sau cùng, yêu cầu của bà T phù hợp pháp luật và có lợi cho ông L nên được chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 2 của NQ 01/2019 thì số tiền của bà T được tính lãi theo 02 giai đoạn: Giai đoạn trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng Bộ luật dân sự năm

2005 và Điều 4 của NQ 01/2019, từ 01/01/2017 đến ngày xét xử thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5 của NQ 01/2019.

Như vậy, tiền lãi được tính như sau:

Bà T cho vay từ ngày 08/8/2016 (dương lịch), lần sau cùng là 26/8/2016 (âm lịch) tức ngày 26/9/2016 (dương lịch), như vậy tiền lãi bắt đầu tính từ tháng 10/2016 (dương lịch) đến ngày xét xử.

-Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc) x (lãi suất cơ bản) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc). Cụ thể là $340.000.000đ \times 9\%/năm \times 03 \text{ tháng} = 7.650.000 \text{ đồng}$.

-Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản) x (thời gian chậm trả nợ gốc). Cụ thể là $340.000.000đ \times 9\%/năm \times 02 \text{ tháng} = 5.100.000 \text{ đồng}$.

-Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x $10\%/năm \times 150\%$ x (thời gian chậm trả nợ gốc). Bà T xác nhận ông L trả 40.000.000đồng vốn gốc vào tháng 04/2017 al tức là tháng 5/2017 dl nên trước tháng 5/2017 tính tiền lãi trên vốn gốc 340.000.000 đồng, từ tháng 5/2017 tính lãi trên vốn gốc là 300.000.000 đồng. Cụ thể là:

$340.000.000đ \times 10\%/năm \times 150\% \times 05 \text{ tháng} = 21.250.000đ$

$300.000.000đ \times 10\%/năm \times 150\% \times 25 \text{ tháng} = 93.750.000đ$

Tổng cộng tiền lãi là 127.750.000 đồng.

Bà T trình bày có nhận tổng cộng là 115.000.000 đồng tiền lãi từ ông L. Như vậy tiền lãi bà T đã nhận ít hơn tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Ông L trình bày trả lãi 270.000.000 đồng nhưng không được bà T thừa nhận, ông L không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông. Ông L xin không trả lãi, bà T không đồng ý nên cần xem xét tiền lãi cho bà T. Hội đồng xét xử xác định bà T đã nhận 115.000.000 đồng tiền lãi, vì vậy số tiền lãi còn lại là 12.750.000 đồng cần buộc ông L trả cho bà T. Như vậy, tổng cộng tiền vốn và lãi là 312.750.000 đồng

[3] *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 688; khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Lệ T

1. Buộc ông Đinh Hoàng L có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Lệ T số tiền 312.750.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông L chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* Ông Đinh Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 15.637.500 đồng.

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Lệ T số tiền tạm ứng án phí 8.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009545 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. *Về quyền kháng cáo:* Bà Đỗ Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đinh Hoàng L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh